

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.23

Group B16
Round 3

Board 1

WHITE						FED				RESULT (W)			
BLACK						FED				RESULT (B)			
Shen Fuyan										1			
Shiva Shanmugam Tharvin										D			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	Nf3	Nf6	21	Kf2	Nb8	41	Bd3	Rg8	61	Rh6	Rc8		
2	C4	C6	22	Rag1	Nf6	42	Kd2	Nf6	62	Kf4	Ad		
3	Nc3	d5	23	Rg2	g5	43	Kc3	Nd7	63	g4	Rd8		
4	e3	Bf5	24	Rgh2	gh	44	Be2	Ke6	64	Rc6	Rb2		
5	d4	e6	25	Rh4	Rh4	45	Bf4	Ngh7	65	Rc7	Reg		
6	Nh4	Bg6	26	Rh4	Ke7	46	Kd3	Reg	66	Ra7	Rb4		
7	Qb3	Qc7	27	Bf5	g6	47	Q4	Nf8	67	Kc7	Q4		
8	Bd2	Nbd7	28	Bd3	Kd7	48	Bd6	Nfd7	68	C6	f6		
9	cd	ed	29	Kg2	Ke7	49	ed	cd	69	Kf6	Kd8		
10	f3	Qb6	30	Be1	Nf8	50	Bd1	Kf6	70	dt	Kc8		
11	Ng6	Qb3	31	Bg3	Neb	51	Bb3	Rb5	71	db	ai		
12	ab	hg	32	Bd6	Kd7	52	Bd7	Nd8	72	Ra8	Rb8		
13	Bd3	ab	33	Be5	Ke7	53	Rh7	Nf8	73	d7	Kc7		
14	Ke2	Be7	34	Rg3	Rg8	54	Rh1	Nf6	74	Rb8	ae		
15	h4	Nf8	35	Rh1	Nef	55	f4	g5	75	d8	f6		
16	Nd4	Nb6	36	Kf2	Nf6	56	Be5	Kc7	76	Ra8	Kh5		
17	b4	Rd8	37	Kg2	Nef	57	f5	Nf9	77	Qd5	Kb4		
18	Nc5	Bc5	38	Be2	Nf6	58	Bf4	g5	78	Ba2	h7		
19	bc	Kd7	39	Kf2	Nef	59	Kc4	Nf6	79	Bb3	Ka6		
20	g4	Rd8	40	Ke1	Rf8	60	b4	bc	80	Ra8			
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)						SIGNATURE (ARBITER)	

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 23/8

Group B16
Round 3

Board 1

WHITE						FED		FED		RESULT (W)	
Shen Fuyan						CHN				1	
BLACK						FED		FED		RESULT (B)	
S. Tharvin										0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Nf6	21	Kf2	Nf6	41	Bd3	Rg8	61	Rb6	Rc8
2	C4	C6	22	Ra9l	Nf6	42	Kd2	Nf6	62	Kd4	Qb
3	Nc3	d5	23	Rg2	g5	43	Kc3	Nf6	63	g4	Rb8
4	c3	Bf5	24	Rgh2	g4h4	44	Be2	Rc6	64	Rc6	Rxb2
5	d4	e6	25	Rch4	Rch4	45	Be4	Ngh7	65	Rc7	Rc8
6	Nh4	Bb6	26	Rch4	Kd7	46	Kd3	Rc8	66	Rt7	Rb4
7	Qb3	Qc7	27	Bf5	g6	47	Q4	Nf8	67	Rc7	Rc8
8	Bb2	Nbd7	28	Bd3	Kd7	48	Bb6	Nf8	68	Rc6	Rc8
9	cd8	cd8	29	Kg2	Kd7	49	Kd1	cd8	69	Rc6	Rd8
10	f3	Qb6	30	Kb1	Nf8	50	Kd1	Rc6	70	d3	Rc8
11	Nf6	Qb3	31	Bf3	Nb6	51	g4	Nf8	71	d6	es
12	Rxb3	Nc4	32	Qb6	Kd7	52	Rxb3	Nf8	72	Rc8	Rb8
13	Bd3	ab	33	Bf3	Kd7	53	Rb3	Nf8	73	d7	Rc7
14	Rc2	Be7	34	g3	Rg8	54	Rb1	Nf8	74	Rxb8	R2
15	h4	Nf8	35	Rh1	Nc8	55	Bf4	g5	75	Rb8	Rb6
16	Nc4	Nb6	36	Kf2	Nf6	56	Rb8	Rc7	76	Rc8	Rb5
17	b4	Rd8	37	Kg2	Nf6	57	f5	Nf8	77	Rd8	Rb4
18	Nc5	Bc5	38	Be2	Nf6	58	Rb8	g5	78	Rd8	Rb8
19	bxc3	Kd7	39	Kf2	Nf8	59	Rb8	pd	79	Rb8	Rb8
20	g4	Rc8	40	Kd1	Rf8	60	Rb8	Rb8	80	Rb8	Rb8
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date Aug. 23, 2026

Group B16
Round 3
Board 2

WHITE Taoyu Zhong						FED CHN			RESULT(W) 1		
BLACK Jaymiel Piel						FED PHI			RESULT(B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21			41			61		
2	c4	g6	22			42			62		
3	Nc3	Bg7	23			43			63		
4	e4	d6	24			44			64		
5	h3	O-O	25			45			65		
6	Be3	e5	26			46			66		
7	d5	as	27			47			67		
8	g4	Nab	28			48			68		
9	Qd2	Nc5	29			49			69		
10	f3	Q4	30			50			70		
11	h4	Ne8	31			51			71		
12	h5	Qe7	32			52			72		
13	Qh2	f6	33			53			73		
14	O-O-O	c6	34			54			74		
15	hxg6	hxg6	35			55			75		
16	Qh7	Kf7	36			56			76		
17	Rh6	g5	37			57			77		
18	Qg6	Kg8	38			58			78		
19	Rd2		39			59			79		
20			40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Taoyu Zhong			Jaymiel Piel			Can					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.23

Group B16
Round 3
Board 2

WHITE Zhong, Taoyu						FED CHN			RESULT(W) 1		
BLACK Piel, Jaymiel						FED PHI			RESULT(B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21			41			61		
2	c4	g6	22			42			62		
3	Nc3	Bg7	23			43			63		
4	e4	d6	24			44			64		
5	h3	O-O	25			45			65		
6	Be3	e5	26			46			66		
7	d5	as	27			47			67		
8	g4	Nab	28			48			68		
9	Qd2	Nc5	29			49			69		
10	f3	Q4	30			50			70		
11	h4	Ne8	31			51			71		
12	h5	Qe7	32			52			72		
13	Qh2	f6	33			53			73		
14	O-O-O	c6	34			54			74		
15	hxg6	hxg6	35			55			75		
16	Qh7	Kf7	36			56			76		
17	Rh6	g5	37			57			77		
18	Qg6	Kg8	38			58			78		
19	Rd2		39			59			79		
20			40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Zhong, Taoyu			Piel, Jaymiel			Can					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group

B16

Round

3

Board

3

WHITE Zhao Tsz Han						FED		RESULT (W) 0.5			
BLACK Tengundalai, Ganbat						FED		RESULT (B) 0.5			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21			41			61		
2	Nf3	d6	22			42			62		
3	d4	cd4	23			43			63		
4	Nd4	Nf6	24			44			64		
5	Nf3	a6	25			45			65		
6	Bg5	Nb7	26			46			66		
7	Qe2	b5	27			47			67		
8	a3	Bb7	28			48			68		
9	x4	g	29			49			69		
10	Re1	de	30			50			70		
11	h3	h6	31			51			71		
12	Bh6	Nf6	32			52			72		
13	Nb5	ab	33			53			73		
14	Qb5	Qd7	34			54			74		
15	Qe5	Be7	35			55			75		
16	Rd1	Qg4	36			56			76		
17	Qb1	Kh8	37			57			77		
18	Qf1	Re8	38			58			78		
19	e1	Re4	39			59			79		
20	Rb3	Qf4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

2026.8.23

Group

46

Round

3

Board

3

WHITE Zhao, Tsz Ham						FED HKG		RESULT (W) 1/2			
BLACK Tengundalai, Ganbat						FED MGL		RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21			41			61		
2	Nf3	d6	22			42			62		
3	d4	cd	23			43			63		
4	Nd4	Nf6	24			44			64		
5	Nc3	a6	25			45			65		
6	Bg5	Nb7	26			46			66		
7	Qe2	b5	27			47			67		
8	a3	Bb7	28			48			68		
9	f4	e5	29			49			69		
10	fe	de	30			50			70		
11	Nb3	h6	31			51			71		
12	Bh6	Nf6	32			52			72		
13	Nb5	ab	33			53			73		
14	Qb5	Qd7	34			54			74		
15	Qe5	Be7	35			55			75		
16	Rd1	Qg4	36			56			76		
17	Qb5	Kh8	37			57			77		
18	Qb2	Re8	38			58			78		
19	e5	Nc4	39			59			79		
20	Rd3	Qf4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.23

Group B16
Round 3
Board 4

WHITE Wei Yuren						FED CHN			RESULT (W)		
BLACK Dang Thai Vu						FED VIE			RESULT (B)		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Ng4	h5	41	h4	gh	61		
2	c4	dc	22	Ne3	Nb5	42	Nf4	Kd6	62		
3	Nf3	Nf6	23	Ne5	Bd5	43	Nh5	Bb7	63		
4	e3	e6	24	Rf1	Bb7	44	Nf6	g5	64		
5	Bc4	c5	25	Rb5	Qh6	45	Nb4	ed	65		
6	0-0	Nc6	26	Qe3	Rf6	46	Kd4	Ke6	66		
7	Nc3	cd	27	Rg5	Kg7	47	Nf2	Kf5	67		
8	cd	Re7	28	Rc8	Rc8	48	Mh3	Kc6	68		
9	a3	a6	29	Qa5	Rd8	49	Nf4	Kf5	69		
10	Bg5	0-0	30	f3	Bc6	50	Nb3	f6	70		
11	Qd3	b5	31	b4	Bb7	51	Ke3	Bc8	71		
12	Bb3	Bb7	32	Kf2	Rc8	52	Kd4	Bb7	72		
13	Bc2	g6	33	Rd3	Rd8	53	Kc3	Bc8	73		
14	Rad4	Rc8	34	Ke3	g5	54			74		
15	Bb1	Nb5	35	Ne2	Kg6	55			75		
16	Ba2	Nc4	36	Qh6	Kf6	56			76		
17	Bc4	Rc8	37	Rc3	Ba5	57			77		
18	Ng5	Rc8	38	Rc5	Ke7	58			78		
19	Qh3	Nd5	39	Rc7	Rd7	59			79		
20	Re7	Ne7	40	Rd7	Kd7	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Wei Yuren			Vu			C. M.					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 23-8

Group B16
Round 3
Board 4

WHITE Wei Yuren						FED CHN			RESULT (W) 1/2		
BLACK Dang Thai Vu						FED VIE			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Mg4	h5	41	h4	gh	61		
2	c4	dc	22	Mf3	Mc5	42	Mf4	Ve6	62		
3	Nf3	Nf6	23	Med5	Td5	43	Mh5	Tb7	63		
4	e3	e6	24	Xfe1	Tb7	44	Mf6	e5	64		
5	Bxc4	c5	25	xg5	Hf6	45	Mg4	ed	65		
6	0-0	Nc6	26	He3	Xf6	46	Vd4	Ve6	66		
7	Nc3	cd	27	Rc4	Vg7	47	Mf2	Vf5	67		
8	ed	Be7	28	Xc8	Xc8	48	Mh3	Ve6	68		
9	a3	a6	29	Hc5	Xd8	49	Mf4	Vf5	69		
10	Bg5	0-0	30	F3	Tc6	50	Md3	f6	70		
11	Qd3	b5	31	b4	Bb7	51	Ve3	Td8	71		
12	Bb3	Bb7	32	Vf2	Xc8	52	Kd4	Tb7	72		
13	Bc2	g6	33	Xd3	Xd8	53	Ke3	Bc8	73		
14	Rad4	Rc8	34	Ve3	g5	54			74		
15	Bb1	Ma5	35	Me2	Kg6	55			75		
16	Ba2	Mc4	36	Hf6	Vf6	56			76		
17	Tc4	Xc4	37	Xc3	Bd5	57			77		
18	Me5	Xc8	38	Xc5	Ve7	58			78		
19	Hh3	Md3	39	Xc7	Xd7	59			79		
20	Te7	Me7	40	Xd7	Vd7	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Wei Yuren			Vu			C. M.					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



B16-3-5 102402

Group B16
Round 3
Date 8.25 Board 5

WHITE						FED MGL		RESULT(W) 1			
BLACK HEIN MYA THU						FED MYA		RESULT(B) 2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21			41			61		
2	Nd2	Nf4	22			42			62		
3	Ng3	Bf5	23			43			63		
4	g3	eb	24			44			64		
5	Bg2	0-0	25			45			65		
6	0-0	c5	26			46			66		
7	c4	Nc6	27			47			67		
8	ed	ed	28			48			68		
9	dC	Bxc5	29			49			69		
10	Nb3	Bb6	30			50			70		
11	Nd4	Bc4	31			51			71		
12	f3	Bg6	32			52			72		
13	Bc3	0-0	33			53			73		
14	0-0	Qe7	34			54			74		
15	Bf2	Nes	35			55			75		
16	Nb5	Bxc4	36			56			76		
17	RxR	Nd4	37			57			77		
18	Qd4	ab	38			58			78		
19	Nes	b5	39			59			79		
20	1/2		40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Duvrle.			Jen			Cm					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



B16-3-5 102402

Group U16
Round 3
Date 23.8.26 Board 5

WHITE Duurenkhishig, Bat - Erdene						FED MGL		RESULT (W) 1/2			
BLACK Hein Myat Thu						FED MYA		RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21			41			61		
2	Nd2	Nf6	22			42			62		
3	Ngf3	Bf5	23			43			63		
4	g3	cc	24			44			64		
5	Bg2	hc	25			45			65		
6	O-O	c5	26			46			66		
7	c4	Ncc	27			47			67		
8	cxd5	exd5	28			48			68		
9	dxcs	Bxc4	29			49			69		
10	Nb3	Bb6	30			50			70		
11	Nf4	Bc4	31			51			71		
12	f3	Bg6	32			52			72		
13	Bc3	O-O	33			53			73		
14	Rc1	Qe7	34			54			74		
15	Bf2	Nes	35			55			75		
16	Nb5	Bxf2	36			56			76		
17	Rxf2	Nc4	37			57			77		
18	Qd4	ac	38			58			78		
19	Nc3	b5	39			59			79		
20			40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Duvrle.			SIGNATURE (BLACK) 			SIGNATURE (ARBITER) 					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/23/2026

Group B16
Round 3
Board 06

WHITE Byun, Junseok						FED KOR			RESULT (W) 0.5		
BLACK Sun Chang Jyn						FED TPE			RESULT (B) 0.5		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e6	21	Bc3	Rd8	41			61		
2	g3	Nf6	22	e3	Nb4	42			62		
3	Bg2	d5	23	Bh3	Rd1	43			63		
4	Nf3	d6	24	Rd1	Be6	44			64		
5	Qa4	Bd7	25	Be6	Qe6	45			65		
6	Qc4	c5	26	Bb4	Bb4	46			66		
7	Qc2	Nc6	27	Qb1	Qc6	47			67		
8	o-o	Be7	28			48			68		
9	b3	o-o	29			49			69		
10	Bb2	Rc8	30			50			70		
11	d3	b5	31			51			71		
12	Nbd2	Qb6	32			52			72		
13	Rac1	Nd5	33			53			73		
14	Qb1	f6	34			54			74		
15	Qa1	Be8	35			55			75		
16	d4	Bf7	36			56			76		
17	d6	Bc5	37			57			77		
18	Ne4	Be7	38			58			78		
19	Rd1	e5	39			59			79		
20	Nc3	Nc3	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
[Signature]			Sun			[Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/23

Group U16
Round 3
Board 6

WHITE Byun jun seok						FED			RESULT (W) 1/2		
BLACK sun chang jyn						FED			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e6	21	Bxc3	Rd8	41			61		
2	Q3	Nf6	22	Q3	Nb4	42			62		
3	Bg2	d5	23	Bh3	Rd1	43			63		
4	Nf3	d6	24	Rxd1	Be6	44			64		
5	Qa4+	Bd7	25	Bxe6+	Qxe6	45			65		
6	Qxc4	c5	26	Bxb4	Bxb4	46			66		
7	Qc2	Nc6	27	Qb1	Qc6	47			67		
8	o-o	Be7	28			48			68		
9	b3	o-o	29			49			69		
10	Bb2	Rc8	30			50			70		
11	d3	b5	31			51			71		
12	Nbd2	Qb6	32			52			72		
13	Rac1	Nd5	33			53			73		
14	Qb1	f6	34			54			74		
15	Qa1	Be8	35			55			75		
16	d4	Bf7	36			56			76		
17	dxc5	Bxc5	37			57			77		
18	Ne4	Be7	38			58			78		
19	Rfd1	e5	39			59			79		
20	Nc3	Nxc3	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
[Signature]			Sun			[Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group
U16
Round
3

Board
7

WHITE Baasangombo Bayartkh						FED		RESULT (W)			
BLACK Zhou Tony						FED		RESULT (B)			
#	WHITE	LACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Qa4	b5	41	Nc2	Qd8	61		
2	Bf4	c5	22	Qc2	Nf6	42	Nc1	Nc3	62		
3	e3	g6	23	f4	Bd6	43	Ng3	Rh4	63	0	-
4	Nf3	Bg7	24	Nc2	Qg7	44	Kd2	Rh2	64		
5	c3	0-0	25	Af3	Kf7	45	Qh2	Qh4	65		
6	Bd3	d6	26	Kf2	g5	46	Qh4	Bh4	66		
7	0-0	Nh5	27	Rg3	g4	47	Kce2	Bc3	67		
8	Bg5	f5	28	Rh2	Nh5	48	Nc3	Bg6	68		
9	Bd4	d5	29	Kf1	Ke7	49	Ke2	Rg8	69		
10	Bd2	Nf6	30	Qd1	Kd7	50	Nh5	Rg6	70		
11	Bf6	Bf6	31	Nd2	Be7	51	Kf2	Kd6	71		
12	b4	b6	32	h4	Bf6	52	Kg3	Ke7	72		
13	a4	Bd6	33	Rh2	Qe7	53	Kh4	Kf7	73		
14	a5	Be2	34	Qh2	Rg8	54	Kg3	Rh6	74		
15	Qe2	Nd7	35	Nc1	Rg6	55			75		
16	Qb5	Qc7	36	Ke2	Rh6	56			76		
17	Nd2	Qb6	37	Kd2	Ke7	57			77		
18	Nb3	Be7	38	Ke2	Rg8	58			78		
19	Nd2	c4	39	Kf2	Qf8	59			79		
20	Nc1	a6	40	Kc1	Be7	60			80	1	
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Baasangombo			Tony			en					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group
U16
Round
3

Board
7

2022.07.23

7

WHITE Baasangombo						FED MGL		RESULT (W)			
BLACK Zhou, Tony						FED HKG		RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Qa4	b5	41	Kc2	Qd6	61		
2	Bf4	c5	22	Qc2	Nf6	42	Nc1	Nf8	62		
3	e3	g6	23	f4	Bd6	43	Nf3	Rh4	63		
4	Nf3	Bg7	24	Nc2	Qg7	44	Kc2	Rh2	64		
5	c3	O-O	25	Rf3	Kf7	45	Qd2	Qd4	65		
6	Bd3	d6	26	Kf2	g5	46	Qd4	Bd4	66		
7	O-O	Nh5	27	Rg3	g4	47	Nce2	Bc3	67		
8	Bg5	f5	28	Rh2	Nh5	48	Nf3	Rg6	68		
9	Bc4	d5	29	Nf1	Ke7	49	Ke2	Rg8	69		
10	Be2	Nf6	30	Qd1	Kd7	50	Nh5	Kf2	70		
11	Bxf6	Bxf6	31	Nd2	Be7	51	Kd6	Kg7	71		
12	b4	b6	32	h4	Bf6	52	Ke7	Kh4	72		
13	a4	Bab	33	Rh2	Qe7	53	Kf7	Kg7	73		
14	a5	Bc2	34	Qh1	Rg8	54	Rh6		74		
15	Qd2	Nd7	35	Nf1	Rg6	55			75		
16	Qb5	Qc7	36	Ke1	Rh1	56			76		
17	Nb2	Qb6	37	Kd2	Ke7	57			77		
18	Nb3	Be7	38	Ke1	Rg8	58			78		
19	Nd2	c4	39	Kf2	Qf8	59			79		
20	Nc1	a6	40	Kc1	Be7	60			80		

SIGNATURE (WHITE)
SIGNATURE (BLACK)
SIGNATURE (ARBITER)

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group

V16

Round

2

Board

8

WHITE						FED		PHI		RESULT (W)	
BLACK						FED		INA		RESULT (B)	
Demos, Jenci Rehann P.											
Thirof, As Syahsyah Syakish											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	Nf6	21	Rd1	Bc3	41	Kh6	ks	61		
2	Nc3	d5	22	Nxc3	bxc3	42	Kh5	Kf6	62		
3	cxd5	Nxc5	23	Rd1	c2	43	Kh6	Rg4	63		
4	g3	g6	24	Rc1	Rd8	44			64		
5	Bg2	Nb6	25	Bf3	~~Rd6~~	45			65		
6	Nf3	Bg1	26	~~Bd2~~	~~Bg4~~	46			66		
7	d4	O-O	27	Bd2	Rx4	47			67		
8	O-O	Nc6	28	f3	Rb3	48			68		
9	e3	0-0	29	fxc4	Rb1	49			69		
10	g4	Nb4	30	Bd3	Rxc1	50			70		
11	b3	c5	31	Kf2	Rd1	51			71		
12	Ba3	Bf5	32	Bxc2	Rd2	52			72		
13	Bxb4	Cxb4	33	Rp3	Rd2	53			73		
14	Ne2	Rc8	34	h4	c5	54			74		
15	Ne1	Qe7	35	h5	Rc4	55			75		
16	Nd3	q5	36	h5	Rx4	56			76		
17	Nc5	Rxc5	37	Kg6	f5	57			77		
18	dx6	Bxa1	38	g4	Rg4	58			78		
19	cx6	Qxd1	39	Kh6	g4	59			79		
20	Gxa1	Bb2	40	Kxh5	f7	60			80		
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group

B16

Round

3

Board

08

WHITE Demas Jenci						FED		RESULT (W) 0			
BLACK Thirof As Syahsyah Syakish						FED INA		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	Nf6	21	Bd2	Bc3	41	Kh6	bc	61		
2	Nc3	d5	22	NBc3	bc3	42	Kh6	Kt6	62		
3	Cd5	Nd5	23	Rd1	c2	43	Kh6	Rh4	63		
4	g3	g6	24	Rc1	Rd8	44			64		
5	Bg2	Nb6	25	Bf3	Rd6	45			65		
6	Nf3	Bg7	26	c4	Bc4	46			66		
7	d4	O-O	27	Be2	Rb6	47			67		
8	O-O	Nc6	28	f3	Rb3	48			68		
9	e3	a6	29	fc4	Rb1	49			69		
10	aq	Nb4	30	Bd3	Rc1	50			70		
11	b3	c5	31	ke2	Rd1	51			71		
12	Ba3	Bf5	32	Bc2	Rd2	52			72		
13	Bb4	Cb4	33	Kf3	Rc2	53			73		
14	Ne2	Rc8	34	h4	es	54			74		
15	Nc1	Qd2	35	Kg4	Rc4	55			75		
16	Nd3	a5	36	h5	Rc4	56			76		
17	Nc5	Rc5	37	Kg5	f5	57			77		
18	d5	Ba1	38	g4	Rg4	58			78		
19	Cb6	Qd1	39	Kh6	gh5	59			79		
20	Rd1	Bb2	40	Kh5	Kf7	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.23

Group B16
Round 3
Board 9

WHITE Miao Zixin						FED		RESULT (W)	
BLACK Gong Bonnuo						FED		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	Nf6	21	Bc5	d6	41	Rf6	Ra4	61
2	c4	g6	22	Rfc1	Rc8	42	Rh2	Rb4	62
3	Nc3	Bg7	23	h5	b5	43	Rh3	Ra4	63
4	e4	d6	24	Rc5	Qb6	44	Rg6	Ra1	64
5	Nf3	Bg4	25	Qf2	Rc5	45	Kg4	Ra4	65
6	Be2	Bf3	26	Qc5	Qc5	46	Kf5	Rb4	66
7	Bf3	Nf6	27	Rc5	oh	47	Rg4	Kd6	67
8	d5	Nc5	28	Rb3	Rc7	48	Rh4	Rb5	68
9	Be2	c6	29	Rb4	Rc2	49	Kg4	Ke6	69
10	O-O	cd	30	Ra4	Rb2	50	Re4	Kf6	70
11	cd	O-O	31	Ra1	Kf8	51	Rb2	Rb2	71
12	Be3	Ned7	32	a4	Rb4	52	Rb2	Rb2	72
13	f3	Nc5	33	ab	f5	53	Ra5	Rc6	73
14	Rc1	a5	34	e5	Rd4	54	Ra3	Rb6	74
15	a3	Nf7	35	Rd7	Ra4	55	Kf3	Re6	75
16	Bb5	a4	36	d6	ed	56	g4	Rb6	76
17	h4	Qa5	37	ed	Ra5	57	g5	Kg6	77
18	Qe2	Rf8	38	Rh7	ke8	58	Kg4	Rb4	78
19	Bd7	Bc3	39	Rh5	Kd7	59	Rab	Kf7	79
20	Rc3	Rd7	40	Rh6	f4	60	Rb6	Kg7	80
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Miao Zixin			Gong Bonnuo			Can			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.23

Group U6
Round 3
Board 9

WHITE Miao Zixin						FED		RESULT (W)	
BLACK Gong Bonnuo						FED		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	Nf6	21	Bc5	d6	41	Rf6	Ra4	61
2	c4	g6	22	Rfc1	Ra8	42	Rh2	Rb4	62
3	Nc3	Bg7	23	h5	b5	43	Rh3	Ra4	63
4	e4	d6	24	Rc5	Qb6	44	Rg6	Ra1	64
5	Nf3	Bg4	25	Qf2	Rc5	45	Kg4	Ra4	65
6	Be2	Bf3	26	Qc5	Qc5	46	Kf5	Rb4	66
7	Bf3	Nf6	27	Rc5	oh	47	Rg4	Kd6	67
8	d5	Nc5	28	Rb3	Rc7	48	Rh4	Rb5	68
9	Be2	c6	29	Rb4	Rc2	49	Kg4	Ke6	69
10	O-O	cd	30	Ra4	Rb2	50	Re4	Kf6	70
11	cd	O-O	31	Ra1	Kf8	51	Rb2	Rb2	71
12	Be3	Ned7	32	a4	Rb4	52	Rb2	Rb2	72
13	f3	Nc5	33	ab	f5	53	Ra5	Rc6	73
14	Rc1	a5	34	e5	Rd4	54	Ra3	Rb6	74
15	a3	Nf7	35	Rd7	Ra4	55	Kf3	Re6	75
16	Bb5	a4	36	d6	ed	56	g4	Rb6	76
17	h4	Qa5	37	ed	Ra5	57	g5	Kg6	77
18	Qe2	Rf8	38	Rh7	ke8	58	Kg4	Rb4	78
19	Bd7	Bc3	39	Rh5	Kd7	59	Rg4	Rb4	79
20	Rc3	Rd7	40	Rh6	f4	60	Rab	Kf7	80
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Miao Zixin			Gong Bonnuo			Can			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

B16-3-10

12232



Date

Group

B16

Round

3

Board

6

WHITE						FED			RESULT (W)		
Li Yu Chen									1/2		
BLACK						FED			RESULT (B)		
Guo Sheng Lin									1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	h3	d5	41	Kh2	e5	61		
2		h4	22		d6	42	gfs	g6	62		
3	d3	h4	23	h4	h4	43	gfs	gfs	63		
4		h4	24		h4	44	gfs	h4	64		
5	h4	e6	25	h4	gfs	45	h4	h4	65		
6		h4	26		h4	46	h4	h4	66		
7	c3	h4	27	h4	h4	47	c5	h4	67		
8		h4	28		h4	48	h4	h4	68		
9	h4	h4	29	h4	h4	49	h4	h4	69		
10		h4	30		h4	50	h4	h4	70		
11	h4	h4	31	h4	h4	51	h4	h4	71		
12		h4	32		h4	52			72		
13	h4	h4	33	h4	h4	53			73		
14		h4	34		h4	54			74		
15	h4	h4	35	h4	h4	55			75		
16		h4	36		h4	56			76		
17	h4	h4	37	h4	h4	57			77		
18		h4	38		h4	58			78		
19	h4	h4	39	h4	h4	59			79		
20		h4	40		h4	60			80		
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
Li Yu Chen						Guo Sheng Lin			Cui		

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

B16-3-10

12232



Date

Group

B16

Round

3

Board

6

WHITE						FED			RESULT (W)		
Li Yu Chen Robinson						H16G			1/2		
BLACK						FED			RESULT (B)		
Guo Sheng Lin						C16N			1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Bf3	c5	41	Kh2	e5	61		
2	Nf3	d5	22	d6	Bc5	42	gfs	g6	62		
3	d3	Bc5	23	h4	h4	43	gfs	gfs	63		
4	Bc2	Nf6	24	h4	h4	44	gfs	h4	64		
5	Nb2	e6	25	h4	gfs	45	h4	h4	65		
6	d3	Bc7	26	h4	h4	46	h4	h4	66		
7	c3	d3	27	h4	h4	47	h4	h4	67		
8	Re1	Qc7	28	h4	h4	48	h4	h4	68		
9	Qc2	Re8	29	h4	h4	49	h4	h4	69		
10	Nf1	Nb2	30	h4	h4	50	h4	h4	70		
11	Ng3	Rd8	31	h4	Bc7	51	h4	h4	71		
12	h3	Bf3	32	h4	Nf6	52			72		
13	Bf3	h6	33	h4	gfs	53			73		
14	Bc3	Bf8	34	Bc3	Qc7	54			74		
15	d4	de	35	h4	Bc6	55			75		
16	Nc4	b6	36	h4	Bc5	56			76		
17	h4	Nf3	37	h4	Bb6	57			77		
18	Bc1	Nf6	38	h4	h4	58			78		
19	h4	Nf6	39	h4	h4	59			79		
20	Bc4	Nf6	40	h4	h4	60			80		
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
Li Yu Chen Robinson						Guo Sheng Lin			Cui		

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/23

Group V16
Round 3
Board 11

WHITE yang ya cheng						FED TPE		RESULT (W) 1			
BLACK shah Krishiv						FED HKG		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rb1	a5	41	Ngf3	Nf5	61		
2	Nf3	Nc6	22	Ne4	Qg6	42	g4	Ne7	62		
3	Bb5	e6	23	b3	Be7	43	Ng5	Nc6	63		
4	Bxc6	bxc6	24	Bb2	Qh6	44	Nxg6	Bg6	64		
5	O-O	Qc7	25	Qg4	d4	45			65		
6	e5	f6	26	Ng5	Bd8	46			66		
7	Qe2	fxe5	27	Be5	Bd6	47			67		
8	Nxe5	Nf6	28	Bxc6	Nxb6	48			68		
9	d3	Be7	29	Re2	Nf6	49			69		
10	f4	O-O	30	Kg1	Bd7	50			70		
11	c4	Ne8	31	Qf2	Rbcs	51			71		
12	Be3	Rb8	32	Ne3	dxc4	52			72		
13	Nc3	Bf6	33	dxc4	Nd4	53			73		
14	Bxc5	d6	34	Ng4	Qh5	54			74		
15	Ba3	c5	35	Ne5	Rxf4	55			75		
16	Ng4	Bd4	36	Qe3	Rxf1	56			76		
17	Kh1	a6	37	Rxf1	Be8	57			77		
18	Rac1	Qf7	38	Ngf2	Nf5	58			78		
19	Ne3	Bb7	39	Qg5	Qxg5	59			79		
20	Nc2	Bf6	40	Qxg5	Nd4	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
yang			sh			Can					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 23/08

Group B16
Round 3
Board 11

WHITE Yang Ya Cheng						FED TPE		RESULT (W) 1			
BLACK Krishiv Shah						FED HKG		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 90	c5 88	21	Rb1 9	a5 20	41	Ng4 9	Nf5 0.4	61		
2	Nf3 91	Nc6 89	22	Ne4 9	Qg6 19	42	g4 2	Ne7 0.462			
3	Bb5 91	e6 86	23	b3 7	Be7 16	43	Ng5	Nc6 0.5	63		
4	Bxc6 91	bxc6 87	24	Bb2 7	Qh6 15	44	Nxg6	Bg6	64		
5	O-O 92	Qc7 87	25	Qg4 5	d5 12	45			65		
6	e5 91	f6 87	26	Ng5 5	Bc8 11	46			66		
7	Qe2 91	fxe5 83	27	Be5 5	Bd6 9	47			67		
8	Nxe5 91	Nf6 83	28	Bd6 4	Nd6 10	48			68		
9	d3 86	Be7 78	29	Qe2 9	Nf5 9	49			69		
10	f4 77	O-O 75	30	Kg1 4	Bd7 9	50			70		
11	c4 71	Ne8 64	31	Qf2 3	Rbc8 7	51			71		
12	Be3 50	Rb8 60	32	Ne3 3	dxc4 5	52			72		
13	Nc3 42	Bf6 51	33	dxc4 4	Nd4 6	53			73		
14	Bxc5 32	d6 48	34	Ng4 4	Qh5 6	54			74		
15	Ba3 32	c5 34	35	Ne5 4	Rxf4 4	55			75		
16	Ng4 21	Bd4 35	36	Qe3 2	Rxf1 2	56			76		
17	Kh1 28	a6 33	37	Rf1 2	Be8 1	57			77		
18	Rac1 26	Qf7 29	38	Ngf3	Nf5 1	58			78		
19	Ne3 17	Bb7 26	39	Qg5	Qg5	59			79		
20	Nc2 16	Bf6 25	40	Ng5 2	Nd4 1	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Yang			Shah			Can					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.23

Group U16
Round 3

Board 12

WHITE Lin Fung Ming Mathew						FED HKG			RESULT (W) 0		
BLACK Chang Chun Min						FED TPE			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	ed	cd7	41	Qc6	Re6	61		
2	Nf3	nc6	22	kg2	Rf8	42	de	Qh1	62		
3	d4	cd	23	Be4	ef	43			63		
4	Nd4	Nf6	24	Qf4	Re5	44			64		
5	Ne3	es	25	Qf3	Rae8	45			65		
6	Nd5	db	26	Rd2	Qe7	46			66		
7	Bg5	ab	27	Bc2	Re3	47			67		
8	Bt6	gt	28	Cg4	Kf8	48			68		
9	Na3	bs	29	at4	Re5	49			69		
10	Nd5	Bb7	30	wb	as	50			70		
11	c3	Bg7	31	Qt3	Bh6	51			71		
12	Bd3	o-o	32	Rf2	Bt4	52			72		
13	o-o	Ne7	33	kt4	Qh7	53			73		
14	Qh5	h6	34	Qh6	Kg7	54			74		
15	Nc2	Ng6	35	Rt6	Kd7	55			75		
16	g3	Nc7	36	Bt5	Kc7	56			76		
17	Nce3	Bt8	37	Qf7	Re7	57			77		
18	ft4	Be6	38	as8	nb	58			78		
19	Rad1	Btc	39	Be6	Kb6	59			79		
20	Nd5	Nd5	40	Kf1	Re6	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Mathew			ming			Cen					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.23

Group B16
Round 3

Board 12

WHITE Liu Fang Ming Mathew						FED HKG			RESULT (W) 0		
BLACK Chang Chun Ming						FED TPE			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	exd5	Qd7	41	Qxe6	Re6	61		
2	Nf3	Nc6	22	kg2	Rf8	42	dxe6	Qh1	62		
3	d4	cxdt4	23	Be4	exf4	43			63		
4	Nd4	Nf6	24	Rxf4	Re5	44			64		
5	Nc3	es	25	Qf3	Rae8	45			65		
6	Nd5	db	26	Rd2	Qe7	46			66		
7	Bg5	ab	27	Bc2	Re3	47			67		
8	Bxf6	gxft6	28	Qg4	Kf8	48			68		
9	Na3	bs	29	a4	Re5	49			69		
10	Nd5	Bb7	30	axb5	h5	50			70		
11	c3	Bg7	31	Qf3	Bh6	51			71		
12	Bd3	o-o	32	Rf2	Bxf4	52			72		
13	o-o	Ne7	33	Qxf4	Qb4	53			73		
14	Qh5	h6	34	Qh6	Ke7	54			74		
15	Nc2	Ng6	35	Qxf6	Kd7	55			75		
16	g4	Ne7	36	Bg5	Kc7	56			76		
17	Ne3	Be8	37	Qxf7	R8e1	57			77		
18	ft4	Be6	38	Qg8	axb5	58			78		
19	Rad1	Bxd5	39	Be6	Kb6	59			79		
20	Nd5	Nxd5	40	Kf1	R7xe6	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Mathew			ming			Cen					